

Số: /TB-UBND

Xã Nguyễn Lương Bằng, ngày tháng 7 năm 2026

THÔNG BÁO

**Về việc thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi đối với các hộ chăn nuôi
gia súc, gia cầm trên địa bàn xã**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018;
Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;
Căn cứ Nghị định số 46/2022/NĐ-CP sửa đổi Nghị định số 13/2020/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn Luật Chăn nuôi;
Căn cứ Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi; Thông tư số 18/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ NNPTNT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi;
Căn cứ Nghị định số 116/2025/NĐ-CP ngày 05/6/2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật;
Căn cứ Nghị định số 211/2026/NĐ-CP ngày 16/6/2026 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về chăn nuôi;
Căn cứ Nghị quyết số 26/2025/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 Quy định mức hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Để đảm bảo về an toàn dịch bệnh trong chăn nuôi và đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của các hộ chăn nuôi, Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Lương Bằng thông báo tới các hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn xã một số nội dung sau:

1. Đối tượng và nội dung kê khai

- Tổ chức, cá nhân chăn nuôi phải thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi với Ủy ban nhân dân xã (theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 18/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT).

(Có Phụ lục III gửi kèm).

- Loại, số lượng vật nuôi tối thiểu phải kê khai theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 18/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

(Có phụ lục II gửi kèm).

2. Thời gian thực hiện kê khai

- Kê khai định kỳ: 02 lần trong năm:

+ Lần 1: thực hiện kê khai từ ngày 25 tháng 6 đến ngày 30 tháng 6 *(Đối với các hộ chưa thực hiện kê khai đợt 1 năm 2026 phải khẩn trương thực hiện ngay sau khi nhận được thông báo này).*

+ Lần 2: thực hiện kê khai từ ngày 25 tháng 12 đến ngày 31 tháng 12.

- Kê khai đột xuất: trong thời hạn 03 ngày kể từ khi nhập vật nuôi mới về nuôi hoặc khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

3. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về kê khai hoạt động chăn nuôi sẽ bị xử lý theo quy định sau:

3.1. Đối với chăn nuôi nông hộ: Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi gian dối trong kê khai nhằm mục đích trục lợi. Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm này.

(quy định tại Điều 23 Nghị định số 211/2026/NĐ-CP ngày 16/6/2026 của Chính phủ).

3.2. Đối với chăn nuôi trang trại quy mô vừa và nhỏ:

- Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện kê khai;

- Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi gian dối trong kê khai nhằm mục đích trục lợi. Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do hành vi vi phạm này.

(quy định tại khoản 2, Điều 24 Nghị định số 211/2026/NĐ-CP ngày 16/6/2026 của Chính phủ).

3.3. Đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn:

- Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện kê khai;

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi gian dối trong kê khai nhằm mục đích trục lợi. Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do hành vi vi phạm này.

(quy định tại khoản 4, Điều 25 Nghị định số 211/2026/NĐ-CP ngày 16/6/2026 của Chính phủ).

4. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân

- Ủy ban nhân dân xã giao Phòng Kinh tế xã tiếp nhận, tổng hợp, cập nhật dữ liệu kê khai; hướng dẫn các hộ chăn nuôi thực hiện; tham mưu UBND xã quản lý theo quy định.

- Giao Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công xã thực hiện tuyên truyền rộng rãi nội dung Thông báo trên hệ thống truyền thanh của xã và các hình thức tuyên truyền phù hợp; phối hợp với các thôn, Phòng Kinh tế xã hướng dẫn, đôn đốc các hộ chăn nuôi thực hiện kê khai đúng thời gian quy định.

- Giao Trưởng các thôn triển khai, tuyên truyền tại các cuộc họp thôn và hướng dẫn các hộ chăn nuôi thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi theo đúng quy định, tổng hợp danh sách các hộ chưa kê khai để báo cáo UBND xã.

- Các hộ chăn nuôi, trang trại chăn nuôi có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương và cơ quan chuyên môn trong công tác thống kê đàn vật nuôi, tiêm phòng, vệ sinh, tiêu độc khử trùng, giám sát dịch bệnh và triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh động vật theo quy định của pháp luật. Khi phát hiện vật nuôi mắc bệnh, nghi mắc bệnh, chết bất thường, chủ cơ sở chăn nuôi phải kịp thời báo cho UBND xã (qua phòng Kinh tế xã) để được hướng dẫn xử lý; không được giấu dịch, không tự ý bán chạy, vận chuyển, giết mổ hoặc vứt xác động vật chết ra môi trường.

5. Địa điểm nộp bản kê khai: Tổ chức, cá nhân chăn nuôi (trong diện phải kê khai hoạt động chăn nuôi theo quy định của pháp luật) lập 02 bản kê khai; lưu 01 bản tại cơ sở chăn nuôi; nộp 01 bản về UBND xã (qua Đ/c Nguyễn Thị Nhật - Phó Trưởng phòng Kinh tế xã, SĐT 0984.193131 hoặc Đ/c Trương Thị Quý - Chuyên viên phòng Kinh tế xã, SĐT 0971037183).

Lưu ý:

- Bản kê khai hoạt động chăn nuôi là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền xem xét hỗ trợ theo quy định khi phát sinh thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp được pháp luật quy định.

- Trường hợp người chăn nuôi không thực hiện kê khai theo quy định thì sẽ không đủ điều kiện để xem xét hỗ trợ theo các chính sách hiện hành (nếu thuộc trường hợp pháp luật quy định phải kê khai).

Trên đây là Thông báo của Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Lương Bằng về việc thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi đối với các hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm, trên địa bàn xã. Đề nghị các cơ quan, đơn vị, hộ chăn nuôi, trang trại chăn nuôi nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có khó

khẩn, vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về UBND xã (qua phòng Kinh tế xã) để được hướng dẫn, giải quyết theo quy định.

Nơi nhận:

- Chi cục Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y;
- Trạm Thủy sản, CN-TY Ninh Thanh;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND xã;
- Phòng Kinh tế xã;
- Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công xã;
- Trưởng thôn;
- Các hộ chăn nuôi;
- Lưu VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Thanh Tuấn

Phụ lục II

LOẠI VẬT NUÔI VÀ SỐ LƯỢNG VẬT NUÔI TỐI THIỂU PHẢI KÊ KHAI

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 18/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Loại vật nuôi	ĐVT	Số lượng
I	Gia súc		
1	Trâu, nghé	Con	1
2	Bò, bê	Con	1
3	Ngựa	Con	1
4	Dê	Con	5
5	Cừu	Con	5
6	Thỏ	Con	25
7	Lợn thịt	Con	5
8	Lợn nái	Con	1
9	Lợn đực giống	Con	1
II	Gia cầm		
1	Gà	Con	20
2	Vịt	Con	20
3	Ngan	Con	20
4	Ngỗng	Con	20
5	Đà điểu	Con	1
6	Chim cú	Con	100
7	Bò câu	Con	30
III	Động vật khác được phép chăn nuôi		
1	Hươu sao	Con	1
2	Chim yến	Nhà	1
3	Ong mật	Đàn	15
4	Chó	Con	1
5	Mèo	Con	1
6	Dông	Con	10
7	Vịt trời	Con	20
8	Dế	m ²	5
9	Bò cạp	m ²	1
10	Tằm (đa hệ, lưỡng hệ, thâu dầu lá sắn)	Ồ	50
11	Giun quế (trùn quế)	m ²	5
12	Ruồi lính đen	m ²	5

Phụ lục III: KÊ KHAI HOẠT ĐỘNG CHĂN NUÔI

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023
của Bộ Nông nghiệp và PTNT)*

TT	Loại vật nuôi	Đơn vị tính	Số lượng nuôi hoặc diện tích nuôi trong kỳ	Mục đích nuôi	Thời gian bắt đầu nuôi	Dự kiến thời gian xuất	Số lượng vật nuôi xuất trong kỳ⁽¹⁾	Sản lượng vật nuôi hoặc sản phẩm chăn nuôi xuất trong kỳ	Ghi chú
1									
2									
...									

....., ngày ... tháng ... năm

Tên tổ chức, cá nhân chăn nuôi

(Ký, ghi rõ họ tên)